

# PHÁP HOA NGHĨA KÝ

## QUYỂN 7

### PHẨM THỨ SÁU: “THỌ KÝ”

Trong phẩm này vì có bốn người được Phật ghi nhận trao cho quả vị ở đương lai và vẫn lấy sự việc này đặt tên cho phẩm. Nếu nói “nhận thọ ký” tức chính nói hàng Bồ-tát. Nếu nói ghi nhận trao cho thì chính nói là đức Như Lai. Do đó một “thọ” là nghĩa nhận lấy, và một thọ là nghĩa trao cho. Tuy nhiên chữ “ký” có hai loại: năng ký và sở ký. “Năng ký” tức là ngôn giáo của Như Lai tức thuộc thể ký. “Sở ký” tức là danh hiệu cõi nước và quả Phật của Bồ-tát trong đời vị lai cũng gọi là ký. Đây tức theo chúng sanh mà được gọi tên. Trong phần thí thuyết nói khai mở ba thừa và hiển bày một thừa để giáo hóa người có căn tánh bậc trung vốn có bốn phẩm và phân làm bốn đoạn. Nay, phẩm này là đoạn thứ tư “vì người có căn tánh bậc trung mà thọ ký”. Như trước đã giải thích trong bốn đoạn, mỗi đoạn được mở làm hai phần nay phẩm này cũng vậy: 1. Vì bốn vị đệ tử lớn mà thọ ký; 2. Một kệ cuối phẩm lại hứa khả vì hàng đệ tử hạ căn mà nói nghĩa đồng quy.

Chánh yếu, trong phần thọ ký lại có ba đoạn: 1. Trước hết là thọ ký cho Ca-diếp; 2. Thọ ký cho ba vị Thanh-văn lớn; 3. Thọ ký hết cho năm trăm vị đệ tử “Lúc bấy giờ, ngài đại Mục-kiền-liên” trở xuống tức là thọ ký cho ba vị Thanh-văn lớn. Do cùng xin thọ ký cho nên riêng biệt làm một đoạn. Xét trong đoạn này tự có hai phần: 1. Ba vị Thanh-văn như Mục-kiền-liên v.v... xin được ghi nhận; 2. Như lai vì ba người này mà thọ ký tức thành ba phần.

“Các đệ tử của ta, bậc oai đức đầy đủ” trở xuống có một hàng rưỡi kệ tức tụng về đoạn thứ ba” thọ ký hết cho năm trăm vị đệ tử”. “Ta cùng với các ông” trở xuống một hàng tức là tụng đoạn thứ hai “hứa khả thuyết pháp cho người hạ căn”.



## PHẨM THỨ BẢY: “HÓA THÀNH DỤ”

Nói rõ Nhân tức thuộc phần thứ ba rộng thuyết việc khai mở ba thừa và hiển bày một thừa và trong đó tự có ba đoạn. Do giáo hóa căn cơ của ba hạng người nên mới có ba đoạn. Từ đây trở xuống đến phẩm “thọ học Vô học nhưn ký” gồm có ba phẩm kinh và đây là đoạn thứ ba nói rõ nhân duyên đời trước, nói lên lý khai mở ba thừa và hiển bày một thừa để giáo hóa người hạ căn (người có căn tánh thấp kém). Nếu chỉ theo thông lệ ở trên thì nên có bốn đoạn nhưng chỉ có ba nghĩa tức là có nhân duyên đời trước, có thọ ký, có lãnh ngộ hiểu biết mà không có thuật lại. Tuy có ba nghĩa nhưng chỉ có hai đoạn. Làm sao biết được điều đó? Vì việc lãnh ngộ hiểu biết nhập chung phần thọ ký, câu văn đã rõ ràng, nên chỉ phân làm hai đoạn: 1. Phẩm “Hóa thành” này chính là nói lên nhân duyên đời trước để giáo hóa người có căn tánh thấp kém; 2. Hai phẩm còn lại tức là thọ ký cho người có căn tánh thấp kém. Điều này đại ý muốn nói “Ta xưa kia đã từng ở nơi đức Phật Đại Thông Trí Thắng; lúc ấy trong số mười sáu vị vương tử đã vì ông giảng nói kinh Pháp Hoa nay lại vì ông mà nói tiếp, tại sao đã nghe ba lần rồi mà không hiểu?” Cho nên văn kinh dưới nói “Ta đã từng ở nơi mười sáu vị Vương tử cũng vì ông nói. Vì nhân duyên xưa ấy nên nay nói Pháp hoa”. Điều này chỉ cho người hạ căn nghe nhân duyên xưa ấy mà cùng hiểu biết lãnh ngộ. Căn cứ trong phẩm này đại khái được phân làm hai đoạn: 1. Từ phần Văn Trường hàng đến hết đoạn kệ trước hết nói lên trí tuệ của Phật có thể thấy rõ sự việc lâu xa trong quá khứ; 2. Từ “Phật bảo các Tỳ-kheo” trở xuống phần Văn Trường hàng và hết đoạn kệ tức nêu lên nhân duyên qua khứ để nói. Lại xét trong hai đoạn này, mỗi đoạn có hai phần đều có Văn Trường hàng và kệ. Nay căn cứ trong phần Văn Trường hàng trước tức nói rõ trí tuệ của Phật có khả năng thấy sự việc lâu xa trong quá khứ tự có ba phần: 1. Trước hết nêu ra sự việc trong quá khứ tức là đức Phật Đại Thông Trí Thắng; 2. Từ “Các Tỳ-kheo! Từ khi đức Phật đó diệt độ” trở xuống “thí như địa chủng trong cõi Tam thiên đại thiên giả sử có người đem mài làm mực” tức là nêu lên sự lâu xa trong quá khứ làm thí dụ; 3. Nói “Ta dùng sức thấy biết của Như Lai xem chỗ lâu xa đó dường như hiện ngày nay” chính là nêu lên Như Lai có khả năng thấy rõ sự việc lâu xa ấy.

“Mà nói kệ rằng” trở xuống tức là phần thứ hai “kệ tụng”. Trong phần Văn Trường hàng ở trên có ba phần. Nay, bảy hàng kệ này cũng được phân làm ba: 1. Có một hàng kệ ban đầu tụng phần thứ nhất;

2”.Như người dùng sức mài, cỡi Tam thiên đại Thiên” trở xuống có bốn hàng tụng thí dụ thứ hai “lâu xa” ở trên; 3”.Trí vô ngại của Phật, biết Phật đó diệt độ” trở xuống có hai hàng kệ tụng phần thứ ba ở trên “nói rõ trí tuệ của Như lai có khả năng thấy rõ sự việc đã qua”

“Đức Phật bảo các Tỳ-kheo” trở xuống đến phẩm là phần thứ hai “nói rõ nhân duyên đời trước để thuyết cũng có hai phần tức Văn Trường hàng và kệ tụng. Trong Văn Trường hàng tự có hai phần: 1. Từ đây trở xuống đến “trụ trong thiền định tám muôn bốn nghìn kiếp” trước hết nêu lên nguyên do kết duyên xưa kia; 2. Từ “bấy giờ mười sáu vị Bồ-tát Sa di biết Phật nhập thất trụ trong thiền định vắng lặng” trở xuống phần Văn Trường hàng chính nói rõ sự kết duyên. Lại xét trong hai đoạn này, mỗi đoạn có hai phần. Trong đoạn nguyên nhân kết duyên có hai phần tức là: 1. Từ đây trở xuống đến “mười phương các Phạm thiên thỉnh Phật chuyển pháp luân” trước hết nói lên nguyên do xa kết duyên xưa kia. 2. Từ “đức Đại Thông Trí Thắng Như lai nhận lời thỉnh của các Phạm thiên vương” trở xuống “nhập vào thiền định” tức nói lên nguyên do gần để kết duyên xưa kia. Trong nguyên nhân kết duyên thuộc hai phần trên mỗi phần có bốn phần nữa. Nay xét trong nguyên do xa của việc kết duyên có bốn phần được trình bày như sau 1. Trước hết nêu lên chỗ hành đạo đạt được quả Phật của đức Đại Thông Trí Thắng; 2. Nói lên mười sáu vị Vương tử thỉnh Phật chuyển pháp luân; 3. Nói lên sau khi đức Đại Thông Trí Thắng đạt được quả Phật đã hiển bày tướng thần thông cảm động mọi người; 4. Nói lên mười phương các vị Phạm thiên vương thỉnh Phật chuyển pháp luân. Lại trong bốn phần riêng biệt này mỗi phần có ba sự khác biệt. Trong việc nói lên chỗ hành đạo đạt quả Phật của đức Đại Thông Trí Thắng có ba sự khác biệt tức là: 1. Trước hết nêu lên tướng hành đạo khó đạt đến quả Phật của đức Đại Thông Trí Thắng; 2. Từ “lúc đó các vị Trời Đao lợi” trở xuống tức nêu lên khoảng thời gian đức Đại Thông Trí Thắng chưa chứng quả Phật thì các chư Thiên thường đến cúng dường; 3. Từ “Các Tỳ-kheo! Đức Đại Thông Trí Thắng Phật quá mười tiểu kiếp” trở xuống chính nêu lên đức Đại Thông Trí Thắng đã thành tựu Phật đạo. Ba sự khác biệt này hợp nêu lên duyên xa là phần thứ nhất nêu lên chỗ hành đạo đạt được Phật quả của đức Đại Thông Trí Thắng trong bốn phần.

“Lúc Phật chưa xuất gia” trở xuống là nêu lên mười sáu vị vương tử thỉnh Phật chuyển pháp luân. Trong đây cũng có ba phần: 1. Trước hết nêu lên các vương tử đi đến chỗ Phật để cầu thỉnh; 2. “Khi đã đến nơi, tất cả đem đầu, mặt mình lạy chơn Phật” trở xuống nhằm nêu lên

việc đã đến chỗ Phật đem ba nghiệp mà cúng dường; 3. Bảy giờ mười sáu vị vương tử nói kệ khen đức Phật rồi liền khuyến thỉnh đức Thế Tôn chuyển pháp luân” trở xuống chính là nêu lên các vị vương tử thỉnh Phật nói pháp. Ba nghĩa nối tiếp này là nguyên nhân xa thuộc phần thứ hai “nêu lên các vương tử thỉnh Phật nói pháp”.

“Phật bảo các Tỳ-kheo” trở xuống là phần thứ ba” nêu lên sau khi đạt được Phật quả của đức Đại Thông Trí Thắng thì hiện tướng thần thông gây cảm động. Trong đây cũng có ba nghĩa nối tiếp: 1. Nói lên thần thông của Phật gây chấn động cả mặt đất: 2. Trong các cõi nước đó chỗ tối tăm ánh sáng trở xuống tức nêu lên tướng quang minh chiếu khắp nơi”; 3. “Lại trong các cõi đó” trở xuống tức nói lên hai tướng gây chấn động của ánh quang minh của Phật đến nơi xa xôi thiên cung.

“Bảy giờ phương Đông” trở xuống là phần thứ tư nêu lên mười phương các Phạm thiên thỉnh Phật chuyển pháp luân. Căn cứ trong đây cũng có ba phần: 1. Trước hết nêu lên hai phương Đông và Nam các Phạm thiên thỉnh Phật nói pháp Tiểu thừa; 2. Từ phương Nam cho đến phương dưới có bảy phương các Phạm thiên thỉnh Phật nói pháp Đại thừa; 3. Nêu lên một phương trên có các Phạm thiên thỉnh Phật nói pháp Tiểu thừa và Đại thừa. Xét trong phần nêu lên Đông phương và Nam phương có các Phạm thiên đến cầu thỉnh vốn có hai phần: 1. Trước hết nêu lên các Phạm thiên ở phương Đông đến cầu thỉnh; 2. Nêu lên các Phạm thiên ở phương Nam đến cầu thỉnh.

Nhưng căn cứ các Phạm thiên trong một phương gồm có bảy nghĩa:

1. Nêu ra tướng quang minh chiếu rọi của đức Phật kia thật kinh ngạc và hiếm có; 2. Cùng bàn bạc vì sao có tướng ánh sáng này; 3. Nêu lên trong các Phạm thiên có người thông minh dự đoán về ý nghĩa của ánh sáng ấy; 4. Nêu lên các Phạm thiên vương vào ánh sáng ấy mà tìm đến chỗ Phật; 5. Nêu lên các Phạm thiên đã đến chỗ Phật dùng ba nghiệp mà cung kính; 6. Nêu lên các Phạm thiên thỉnh Phật chuyển pháp luân; 7. Nêu lên Đức Đại Thông Trí Thắng im lặng nhận lời. Các phương Đông, Nam cũng có bảy nghĩa như vậy. “Lại nữa các Tỳ-kheo ở phương Nam” trở xuống là nêu lên bảy phương các Phạm thiên thỉnh Phật nói pháp Đại thừa. Trong đây cũng có hai phần: 1. Trước hết nói rõ đầy đủ bảy nghĩa của các Phạm thiên như ở phương Nam; 2. “Ở phương Tây” trở xuống tức căn cứ tổng quát vào sáu phương để nêu lên đồng như phương Nam. “Bảy giờ ở phương trên” trở xuống tức nêu lên các Phạm thiên ở phương trên đều thỉnh Phật nói pháp của Tiểu thừa lẫn Đại thừa và chỉ có sáu nghĩa chớ không nêu ra nghĩa thứ bảy tức Như Lai im lặng

nhận lời. Vì sao? Vì bấy giờ cũng đã cầu thỉnh xong và Phật đã nhận lời thuyết pháp cho nên không có nghĩa im lặng nhận lời. Nhưng trong nghĩa thứ sáu “thỉnh Phật thuyết pháp” có hai kệ mà kệ trước nêu lên việc khuyến thỉnh nói pháp Tiểu thừa và kệ sau nêu lên việc cầu thỉnh nói pháp Đại thừa. Trong bốn phần này, mỗi phần có ba nghĩa nối tiếp tức tổng kết nguyên do xa của việc kết duyên.

Bấy giờ, đức Đại Thông Trí Thắng Như Lai thọ nhận lời của mười phương các vị Phạm thiên” trở xuống tức nêu lên nguyên do gần kết duyên xưa kia. Trong đây cũng có bốn phần: 1. Trước hết nêu lên đức Đại Thông Trí Thắng nhận lời cầu thỉnh của các Phạm thiên để nói pháp hai thừa; 2. Nêu lên mười sáu vị vương tử bấy giờ thỉnh Phật nói kinh Pháp Hoa; 3. Nêu lên đức Đại Thông Trí Thắng nhận lời thỉnh của sáu vị vương tử mà nói kinh Pháp Hoa; 4. Nêu lên đức Đại Thông Trí Thắng sau khi nói kinh Pháp Hoa nhập vào Thiền định để tạo ra nguyên do giảng thuyết lại. Nếu không nhập vào thiền định thì làm sao vương tử giảng thuyết lại! Xét trong bốn phần này, mỗi phần có ba nghĩa nối tiếp. Trong phần nhận lời thỉnh của các Phạm thiên để nói pháp hai thừa có ba nghĩa nối tiếp tức là: 1. Một lần thọ nhận lời thỉnh; 2. “Tức thời ba phen chuyển pháp luân” trở xuống là liệt kê tương chuyển pháp luân hai thừa; 3. “Đức Phật ở trong đại chúng Trời, người khi nói pháp đó” trở xuống tức nêu lên tướng lãnh ngộ hiểu biết của đại chúng lúc bấy giờ. Trong nghĩa thứ hai “liệt kê” nêu ra việc nói pháp hai thừa thì ban đầu nêu ra pháp Tứ đế và sau nêu ra mười hai nhân duyên. Hai pháp luân này mỗi pháp luân có hai thứ liệt kê Tứ đế. Ban đầu tổng nêu lên Ba-lần chuyển mười hai hành tức thị khuyến và chứng. Về sau “chỗ gọi là khổ” trở xuống tức riêng biệt nêu ra pháp Tứ đế. Trong việc liệt kê mười hai nhân duyên cũng có hai mục tức ban đầu “và rộng nói pháp mười hai nhân duyên” là nói lên theo chiều thuận mà nói và “vô minh diệt” trở xuống là nêu lên theo chiều nghịch mà nói.

“Bấy giờ, mười sáu vị vương tử đều là đồng tử mà xuất gia” trở xuống tức nêu lên các vương tử lúc ấy thỉnh Phật nói Pháp Hoa. Xét trong đây cũng có ba nghĩa nối tiếp: 1. Trước hết nêu lên mười sáu vương tử vì cầu thỉnh mà xuất gia; 2. Từ” đều bạch Phật rằng” trở xuống chính là nêu lên việc thỉnh Phật nói kinh Pháp Hoa; 3. Nói “bấy giờ, Chuyển luân Thánh vương” trở xuống tức nêu quyền thuộc của Vua cũng xuất gia.

“Bấy giờ, đức Phật kia nhận lời thỉnh của Sa di” trở xuống tức nêu lên đức Đại Thông Trí Thắng nhận lời thỉnh của vương tử mà nói

kinh Pháp Hoa. Phần này cũng có ba nghĩa nối tiếp: 1. Nêu lên đức Đại Thông Trí Thắng nhận lời thỉnh của vương tử mà nói Pháp Hoa; 2. Từ “đức Phật nói kinh này rồi” trở xuống tức nêu lên việc lãnh ngộ của đại chúng không giống nhau; 3. Nói “Phật nói kinh đó suốt tám nghìn kiếp chưa từng thôi bỏ” tức là nêu lên số kiếp thuyết kinh.

“Phật nói kinh đó xong” trở xuống tức là nguyên nhân gần thuộc phần thứ tư nhằm nói lên Như Lai lúc ấy đã nói Pháp Hoa rồi liền nhập định. Chỉ vì nhân duyên Phật nhập định nên các vương tử giảng lại kinh cũng có ba nghĩa nối tiếp: 1. Nói “Phật nói kinh đó xong liền vào tĩnh thất” tức nêu lên tướng nhập định; 2. Nói “trụ trong thiền định trở xuống” nói lên thiền định; 3. Nói “Tám muôn bốn nghìn kiếp” tức nói lên thời gian Phật ở nơi thiền định trải qua nhiều kiếp. Từ đầu phẩm cho đến phần Văn Trường hàng này chính là nêu lên nguyên do kết duyên xưa kia.

“Bấy giờ, mười sáu vị Bồ-tát Sa di biết Phật nhập thất” trở xuống đến phần Văn Trường hàng chính là nêu lên việc kết duyên. Căn cứ trong đoạn này tự có hai phần: dùng pháp để thuyết và dùng thí dụ để thuyết. Dùng pháp để thuyết tự có ba phần: 1. Chính nói rõ việc kết duyên xưa kia; 2. Nói rõ sau khi kết duyên đến nay, trong thời gian đó vẫn gặp nhau và nói kinh Pháp Hoa, và kết tóm tắt đại ý Phật Thích Ca trước sau đều giáo hóa Đại thừa; 3. Ngày nay, gặp nhau vẫn nói kinh Pháp Hoa.

Lại căn cứ trong ba phần này mỗi phần tự có bốn nghĩa nối tiếp. Trong phần nêu lên kết duyên xưa có bốn phần tức là: 1. Bấy giờ mười sáu vị Bồ-tát Sa di biết Phật nhập thất trụ trong thiền định vắng lặng” tức trước hết nêu lên ý các vương tử được giảng lại, chỉ vì nhờ đức Đại Thông Trí Thắng đã nhập thất trải qua tám vạn bốn ngàn kiếp nên lúc ấy pháp tòa không thể nào để trống được; 2. Từ “mỗi vị đều lên pháp tòa” trở xuống chính là nêu lên sự giảng lại; 3. “Mỗi vị đều độ” trở xuống tức nêu lên việc xưa kia, lúc giảng lại các thánh chúng đã thọ nhận, ngộ hiểu, có nhiều có ít; 4. Nêu lên đức Đại Thông trí Thắng trải qua quá tám vạn bốn ngàn kiếp rồi xuất định mà khen các vương tử.

“Phật bảo các Tỳ-kheo” trở xuống tức kết tóm tắt đại ý giáo hóa trước sau. Đoạn này cũng có bốn nghĩa nối tiếp 1. Từ: Phật bảo các Tỳ-kheo, mười sáu vị Bồ-tát đó thường ưa nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa này” trở xuống chính là nêu lên sau khi kết duyên xưa kia, cho đến gặp nhau đây trong khoảng đó đều tương ngộ; 2”. Các Tỳ-kheo, ta nói với các ông” trở xuống tức nói lên xưa kia việc thuyết giảng lại Diệu pháp

của các vị vương tử đã trở thành chủng giác; 3. Từ “bấy giờ sự giáo hóa” trở xuống tức nêu lên sự việc thông suốt xưa và nay; 4. Từ “sau khi ta diệt độ” trở xuống tức nêu lên sự việc ngày nay đã gặp nhau mà không hiểu nhưng trong đời vị lai sẽ hội ngộ để hiểu biết. Đây tức nói rõ nghĩa một ngày kết duyên thì dù trải qua nhiều kiếp cũng không mất. “Các Tỳ-kheo, nếu đức Như Lai tự biết giờ Niết-bàn sắp đến” trở xuống tức nêu lên việc ngày nay gặp gỡ. Căn cứ trong đây cũng có bốn nghĩa nối tiếp. Tuy nhiên trong lời văn chỉ nêu lên ba phần mà lược không nêu lên nghĩa thứ ba, cũng có thể vì người truyền đạt lại ngộ nhận, tuy không có mà nay đưa ra nghĩa ngày này. Làm sao biết được? Trong thí dụ ở dưới có cho nên nói tại nay. Như vậy, nay nêu ra bốn thứ trùng hợp: 1. Từ” các Tỳ-kheo” trở xuống “nhập sâu vào thiền định” tức trước hết nêu lên căn cơ Đại thừa của chúng sanh phát khởi; 2. Vì nói kinh Pháp Hoa; 3. Nêu lên dự định dùng Đại thừa để thích nghi mà không được, tức nay đưa ra nghĩa này; 4. Vì chúng nói Tiểu thừa. Nay trước hết nói lên căn cơ Đại thừa phát khởi tức nói “các Tỳ-kheo nếu đức Như Lai tự biết giờ Niết-bàn sắp đến” tức là khi Như Lai thuyết Pháp Hoa thì cách thời Niết-bàn không còn xa, khi căn cơ Đại thừa phát khởi mà vẫn thuyết Pháp Hoa cho nên nói “giờ Niết-bàn sắp đến”. Lại có người cho rằng khi căn cơ Đại thừa phát khởi thì công giáo hóa ba thừa của Như lai đã sắp hết cho nên nói “giờ Niết-bàn sắp đến”. “Chúng lại thanh tịnh tức nêu lên căn cơ Đại thừa đã phát khởi, Nếu xưa kia, khiến cho năm thứ như uest gây chướng ngại căn cơ Đại thừa thì gọi là không thanh tịnh. Nay căn cơ Đại thừa phát khởi mà không còn năm thứ như uest làm chướng ngại nên nói: “Chúng lại thanh tịnh”. “Lòng tin hiểu bền chắc” tức là xưa kia tuy có tin mà không thành tựu nhưng nay do căn cơ Đại thừa phát khởi nên có niềm tin vào Đại thừa. Ngày nay, căn cơ Đại thừa phát khởi thì có cả hiểu biết về Đại thừa, có hiểu thì có tuệ, tin có tuệ, có lực của định giúp sức cho nên căn cơ Đại thừa phát khởi. “Thấu rõ pháp không” tức nói lên pháp vô tướng của xưa kia cho nên nói “thấu rõ pháp không”. “Bèn nhóm các Bồ-tát” trở xuống tức nêu lên việc nói giáo Đại thừa nghĩa là thuyết kinh Pháp Hoa “Bèn nhóm các Bồ-tát” tức là nghĩa “bấy giờ bốn chúng vây quanh đức Thế Tôn”. “Trong đời không có hai thừa mà được diệt độ” tức là nêu lên sự khai mở phương tiện. “Chỉ có một Phật thừa được diệt độ” tức chỉ ra tướng chơn thật. Từ đây trở xuống tức nêu lên nghĩa thứ ba dự định “dùng Đại thừa thích nghi giáo hóa chúng sanh mà không được” nay, ngầm đưa ra nên thí dụ ở dưới phải có tức làm căn bản cho thí dụ giải đãi ở dưới. “Các Tỳ-kheo



nên biết, lực phương tiện của Như lai “trở xuống tức nghĩa thứ tư nêu lên Như lai dùng ba thừa giáo hóa được chúng sanh. Trong nghĩa này dùng Tiểu thừa giáo hóa được chúng sanh tự có bốn đoạn văn: 1. Nói “đức Như lai phương tiện sâu vào tánh của chúng sanh” tức trước hết nói lên dự định dùng ba thừa thích nghi; 2. Nói” biết chí nó ưa pháp nhỏ, rất ham nơi năm món dục” tức nói lên Như lai thấy căn cơ Tiểu thừa; 3. Vì hạng người này mà nói Niết-bàn” tức là vì chúng sanh mà nói giáo ba thừa; 4. Nói”người đó nếu nghe thời liền tin nhận” tức nói lên người trong ba thừa thọ nhận và hành trì pháp.

Hỏi: Theo thí dụ trong nhà lửa dùng Đại thừa giáo hóa không được chúng sanh nên sau đó mới dùng ba thừa để giáo hóa. Sau đó, khi căn cơ Đại thừa phát khởi mới vì chúng mà nói Đại thừa. Vậy nay có gì không có căn cơ Đại thừa phát khởi mà vì chúng nói kinh Đại thừa rồi sau đó dùng Đại thừa giáo hóa không được chúng sanh mới lại dùng Tiểu thừa để giáo hóa?

Đáp: ý này là vấn đề tương đối của nhân duyên xưa nay. Điều ấy muốn nói “Ta xưa ở nơi mười sáu vị vương tử đã biết ông có căn cơ Đại thừa tức vì ông giảng giải kỹ về kinh điển Đại thừa. Lúc bấy giờ ông đã hiểu rõ Đại thừa nên vì nhân duyên ấy mà nay mới phát khởi căn cơ Đại thừa. Tuy nhiên lúc đó Ta vì ông nói kinh Đại thừa nhưng ông không thể không tin” Trong thí dụ về nhà lửa tạo ra sự thứ tự tức Như Lai mới ra đời vốn muốn vì chúng nói kinh Đại thừa nhưng lúc ấy không có căn cơ Đại thừa phát khởi. Ta dự định dùng Đại thừa để giáo hóa không được, nhưng không thể khiến chúng sanh này vĩnh viễn đắm chìm trong khổ nên nói” Như Lai dùng ba thừa giáo hóa được chúng sanh” và khi căn cơ Đại thừa phát khởi thì mới nói kinh Đại thừa.

Trong phần thí dụ để thuyết dưới đây lại y cứ vào sự thứ tự để trình bày nghĩa là dùng Đại thừa giáo hóa độ không được rồi mới dùng ba thừa để giáo hóa được chúng sanh. Sau đó, khi căn cơ Đại thừa phát khởi thì mới nói kinh Đại thừa. Nay căn cứ trong ba đoạn dùng pháp để thuyết ở trên, mỗi đoạn có bốn phần; hoặc giữ, hoặc bỏ, hoặc hợp hoặc lia để duy trì tạo ra năm cách dùng pháp để thuyết. Ở trên tức giống như thí dụ gã cùng tử, nhà lửa và phẩm Phương tiện. Ở dưới tức nêu lên năm loại thí dụ làm căn bản. Năm loại thí dụ ấy được trình bày như sau: 1. Thí dụ dẫn đường; 2. Giải đãi thối lui; 3. Thiết lập hóa thành; 4. Biết dùng nghỉ; 5. Dẫn đến Bảo sở. Trong ba đoạn dùng pháp để thuyết thì đoạn thứ hai tức tổng kết đại ý giáo hóa trước sau của đức Thích Ca có bốn phần nhưng nay đều bỏ qua mà không nêu lên. Trong đoạn thứ ba

tức nay cùng gặp gỡ cũng có bốn phần và nay đều nêu lên. Trong đoạn thứ nhất nêu lên kết nhân duyên xưa kia cũng có bốn phần và nay có giữ có bỏ. Không giữ phần thứ nhất tức nói lên ý giảng giải kỹ lưỡng. Cũng không giữ phần thứ tư tức nói: “Đức Đại Thông Trí Thắng xuất định mà khen ngợi các vương tử”. Tuy nhiên, chỉ giữ phần thứ hai nói “mỗi vị đều lên pháp tòa” tức nêu lên sự giảng giải kỹ lưỡng. Lại giữ phần thứ ba nói “tất cả đều độ thoát” tức lúc ấy đại chúng lắng nghe sự giảng giải kỹ lưỡng ấy mà được nhiều lợi ích sâu rộng. Làm sao biết được? Vì chủ của việc giảng giải kỹ lưỡng ấy chính là nghĩa đạo sư. “Bấy giờ được lợi ích sâu rộng” tức là chỉ cho nghĩa dẫn dắt mọi người cho nên hợp hai phần này thành một đoạn tương ứng với ở trên là đoạn thứ nhất: Cha con thất lạc trong thí dụ cùng tử lãnh hội, và xa là tương ứng thí dụ chủ nhà trong thí dụ nhà lửa, đồng thời cũng tương hợp với phẩm Phương tiện nói “nay ta cũng lại như vậy” nhằm nêu ra đức Thích Ca đồng với chư Phật làm hóa chủ giáo hóa chúng sanh trong đời ác có đủ năm thứ như uế, và làm căn bản thí dụ thứ nhất dẫn dắt ở bên dưới. Trong việc nêu ra ngày nay cùng gặp gỡ vốn có bốn phần và nay đều chọn lấy: 1. Nói “Như lai tự biết giờ Niết-bàn đã đến, chúng lại thanh tịnh” trở xuống tức nêu lên căn cơ Đại thừa tương ứng với thí dụ thứ bảy “cha thấy con có chí lớn trong chín thí dụ về gã cùng tử lãnh ngộ hiểu biết cũng xa hợp với thí dụ thứ năm” Trưởng giả thấy con thoát khỏi nạn” trong thí dụ về nhà lửa, đồng thời cũng hợp với đoạn thứ năm trong phẩm Phương tiện nói “Xá-lợi-phất nên biết, ta thấy các Phật tử, chí quyết cầu Phật đạo vô lượng nghìn muôn ức” tức nói lên hội chúng lúc ấy phát khởi căn cơ Đại thừa, và làm căn bản cho thí dụ thứ tư biết dùng nghĩ ở phẩm Hóa Thành dụ; 2. “Bèn nhóm các Bồ-tát mà vì nói kinh này” tức tương ứng với thí dụ thứ tám “giao phó gia nghiệp” trong phần “gã cùng tử lãnh ngộ hiểu biết” cũng hợp xa với thí dụ thứ tám “Trưởng giả ban cho xe lớn” trong thí dụ về nhà lửa, cũng xa hợp với phần thứ tám trong phẩm Phương tiện nói “đối với các Bồ-tát nên xả bỏ phương tiện mà chỉ nói vô thượng đạo” tức nói Pháp Hoa cũng làm căn bản cho thí dụ thứ năm ở dưới nói “phải diệt hóa thành sẽ đến Bảo sở”; 3. Nói “dùng Đại thừa giáo hóa không được” tức tương ứng với thí dụ thứ ba “gọi con mà không được” trong phần “gã cùng tử lãnh ngộ hiểu biết” cũng xa hợp với thí dụ thứ ba “Trưởng giả cứu con mà không được” tương ứng với nghĩa thứ ba trong phẩm Phương tiện nói “ta xưa ngồi nơi đạo tràng dùng Đại thừa để giáo hóa chúng sanh mà không được và làm căn bản cho thí dụ “lưỡi mỗi thối lui” trong phẩm này;

4. Nói “đức Như Lai phương tiện sâu vào tánh chúng sanh” tức nói lên việc dùng ba thừa giáo hóa được chúng sanh tương ứng với thí dụ thứ tư “gọi được con” và thí dụ thứ năm “chỉ dạy người làm” trong phần “gã cùng tử lãnh ngộ hiểu biết” cũng xa hợp với thí dụ thứ tư “Trưởng giả dùng ba xe cứu được con” trong nhà lửa, cũng xa hợp với phần thứ tư trong phẩm Phương tiện nói “Ta nhớ nghĩ về chỗ hành lực phương tiện của Phật trong quá khứ dùng ba thừa để giáo hóa chúng sanh” và làm căn bản cho thí dụ thứ ba “thiết lập hóa thành” thuộc phẩm này. Đây nếu so sánh mười đoạn trong việc dùng pháp để thuyết và dùng thí dụ để thuyết ở trên thì chỉ hợp với đoạn thứ nhất, thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ tám, còn năm nghĩa còn lại thì không hợp ở phẩm này.

“Thí như năm trăm do tuần” trở xuống tức là phần thứ hai “dùng thí dụ để thuyết”. Trong việc dùng thí dụ để thuyết này gồm có ba đoạn: 1. Khai dụ; 2. Hợp dụ; 3. Nêu ra thí dụ bên ngoài để kết hợp.

Trong đoạn “khai dụ” tự có năm thí dụ tức dựa trên căn bản năm loại pháp thuyết ở trên: 1. Thí dụ dẫn đường; 2. Thí dụ mỗi một thoái lui; 3. Thiết lập “hóa thành”; 4. Biết dùng nghĩ; 5. Sẽ đến chỗ chứa báu vật.

“Thí dụ người dẫn đường” tức nêu lên hai phần kết duyên xưa kia làm thí dụ tương ứng với phần tổng dụ “chủ nhà” của nhà lửa. Trong thí dụ về nhà lửa ở trên vốn có sáu nghĩa nhưng nay trong thí dụ này chỉ nêu lên bốn nghĩa mà lược không nêu ra nghĩa “chỉ có một cửa” và “năm trăm người”. “Thí như năm trăm do tuần” tức tương tự với nghĩa “nhà lửa”. Nên biết Dục giới như một trăm do tuần, sắc giới như hai trăm do tuần. Vô sắc giới như ba trăm do tuần, sự đoạn trừ tập phiền não còn lại của ba cõi thuộc địa thứ bảy như bốn trăm do tuần, từ địa thứ tám trở lên đến tâm kim cang đã đoạn trừ vô minh trụ địa phiền não thì như năm trăm do tuần. “Đường hiểm nạn xấu ác, chốn ghê sợ hoang vắng không người” tức tương ứng với nghĩa “trong nhà có lửa”. Do đều là chốn sanh tử cho nên nói “đường hiểm nạn xấu ác”.

Hỏi: Hiện thấy uẩn sót lại của chúng sanh trong sanh tử nhiều vô số tại sao nay nói “không có người”?

Đáp: sở dĩ nói không có người là vì người đi ngược dòng sanh tử không đủ số chứ chẳng phải không có một hoặc hai người có khả năng lợi ngược dòng. Điều này không thể nói, vì văn tự nói ra cho nên nói “không có người”. “Nếu chúng đông” trở xuống tức tương ứng với nghĩa “ba mươi người con” cũng hợp với phần thứ ba ở trên. Nói “tất cả đều vượt qua” nhằm nêu lên thính chúng được nhiều lợi ích. “Có một

vị đạo sư” tức tương ứng với nghĩa “Trưởng giả đồng thời hợp với thí dụ thứ hai” chủ giảng thuyết kỹ lưỡng “Biết chúng sanh nghe pháp được hiểu mà chặt đứt phiền não” tức là nghĩa “biết thông suốt”. “Đã mất sự hiểu biết đúng đắn liền khởi phiền não” tức là nghĩa “bế tắc”. “Khi ấy khiến cho chúng chớ rơi vào sinh tử mà xa cầu Phật đạo” tức là “dẫn dắt mọi người muốn vượt qua nạn đó”. “Mọi người được dắt đi” trở xuống là thí dụ thứ hai “mỏi mệt mà thối lui” tương ứng với phần thứ ba nêu ra dự định dùng Đại thừa để thích nghi mà không có căn cơ Đại thừa, trong việc gặp gỡ hôm nay. Nếu nói giữa đường thì trong năm trăm năm do tuần chính phải đoạn trừ hết chướng phải tưởng một nửa phiền não, tuy nhiên theo ý thực ra không có như vậy. Nếu nói đến việc thoái lui thì có hai cách: 1. Đã đi được nửa đường mới lui trở lại; 2. Kế ước đã định mới sanh tâm hối tiếc. Nay căn cứ vào phần sau mà đàm luận về nghĩa chính là nêu ra lúc ấy đại chúng phát khởi ý muốn vượt qua năm trăm do tuần nhằm ngụ ý nói rõ vượt qua hai thứ sanh tử. “Nhưng đánh mất chánh giải mà không có tâm cầu Phật tức mang nghĩa “thối lui”. Từ đây trở xuống đều là căn cứ vào lý ở “giữa đường” tạo ra lời nói. Xét trong đây có hai phần: 1. Có một câu nêu lên sự thoái lui; 2. “Mà bạch đạo sư rằng” trở xuống là giải thích vì ba thứ nhân duyên nên thoái lui. Ba thứ nhân duyên ấy chính là mệt mỏi, sợ hãi và đường xa. “Vị đạo sư có nhiều phương tiện” trở xuống tức nêu lên thí dụ thứ ba “tạo ra hóa thành” tương ứng với văn trên nói “các Tỳ-kheo nên biết, đức Như Lai phương tiện sâu vào tánh chúng sanh” tức nhân nơi ba thừa mà giáo hóa được chúng sanh.

Trong căn bản của thí dụ ở trên có bốn thứ và nay cũng nêu ra bốn thứ ấy: 1. Trước hết nói rõ bạch đạo sư dùng hóa thành để dự định thích nghi; 2. Nói lên bạch đạo sư thấy mọi người lúc bấy giờ có tâm ưa thích cái thành huyễn hóa này; 3. Vì mọi người mà thiết lập nên cái thành huyễn hóa này; 4. Nêu lên mọi người mệt mỏi mà đi vào cái thành này. Nay nói “đạo sư có nhiều phương tiện” tức là nêu lên nghĩa dự định dùng ba thừa để thích nghi. “Mà tự nghĩ rằng: bọn này thật đáng thương” tức nêu lên ý “mọi người thích cái thành biến hóa này” chính là có nghĩa “thấy căn cơ Tiểu thừa” ở trên. “Làm sao có được trân báu lớn” tức là không có căn cơ Đại thừa “mà muốn thối lui” tức ý nói chỉ có căn cơ Tiểu thừa. “nghĩ thế rồi” trở xuống chính là nêu lên sự việc vì mọi người mà biến hóa ra cái thành này. Trong đây tự có hai đoạn: 1. Trước hết suy nghĩ tạo ra cái thành này tức ở phần căn bản thí dụ vốn không nói. Tận trí và sanh Vô sanh trí vốn vượt ra ngoài ba cõi tức

hợp với nghĩa “vượt qua ba trăm do tuần”. “Bảo chúng nhưn rằng” trở xuống tức nêu lên ý vì mọi người mà biến hóa ra cái thành này. Trong đây có bốn câu nêu ra phần căn bản của thí dụ ở trên tức tương ứng với việc rộng nói trong nhà lửa. Ban đầu nói “các người chớ sợ, tức tùy ý muốn các con đều sẽ cho” là hợp với việc bảo đảm ban cho không có hư đối tương ứng với phần hợp dụ bên dưới nói “Ta nay vì các ông mà bảo nhiệm sự việc này rất cùng không có hư đối”. “Đừng lui về” tức là câu thứ hai hợp với câu khuyến khích tinh tấn nói “các con ở trong nhà lửa này nên mau ra đây”. “Nay thành lớn này” trở xuống là câu thứ ba tương ứng với việc chỉ ra chỗ để ba xe ở trên nói “các thứ xe dê, xe hươu, xe trâu này hiện đang để ở ngoài cửa có thể đến lấy để dạo chơi”. “Nếu người ở trong thành ấy” trở xuống là câu thứ tư tương ứng với thí dụ ở trên “khen ngợi ba thứ xe” nói “Đây là những thứ ít có khó đặng mà các con có thể vui chơi, nếu các con không ra lấy sau chắc buồn ăn năn” cũng thích ứng với phần hợp dụ nói “các ông nên biết pháp ba thừa này đều là chỗ khen ngợi của bậc Thánh”.

“Bấy giờ chúng mỗi một” tức là nêu lên thí dụ thứ tư “chúng mỗi một đi vào thành được biến hóa” tương ứng với trên nói “các người thọ nhận và hành trì”. Trong đây tự có bốn nghĩa. Đối với căn bản thí dụ ở trên tức tương ứng với việc rộng chỉ cho gã cùng tử và trong nhà lửa. Ban đầu là hạng ngoài phạm phu tu hành hợp với nghĩa “tâm mỗi người con đều mạnh mẽ”. “Bấy giờ, chúng mỗi một” trở xuống tức nêu lên tâm rất hoan hỷ. Kế đến nêu lên bên trong phạm phu tu hành tức hợp với câu “xô đẩy lẫn nhau” nói “chúng con nay” trở xuống. Kế đó nói lên việc nhập kiến đế tứ duy đạo đối trị tức mang nghĩa “cùng tranh nhau ruổi chạy” hợp với “đối trước chúng nhưn này” trở xuống. Kế đến nêu lên đạt được quả Vô học tức hợp với nghĩa “tranh nhau ra khỏi” tương ứng với câu “nhập vào hóa thành” trở xuống. Nhân tự nhiên hết tức “sanh tướng đã độ” và quả tự nhiên mất tức là “sanh tướng đã an ổn”.

“Bấy giờ, bậc đạo sư biết chúng nhưn đó” trở xuống tức nêu lên thí dụ thứ tư “biết nghĩ ngợi” tương tự như phần căn cơ Đại thừa phát khởi nói “các Tỳ-kheo, Như Lai tự biết giờ Niết-bàn sắp đến” trở xuống, cũng như xa hợp với câu trong phẩm Phương tiện nói “Ta thấy các Phật tử” tức có nghĩa căn cơ Đại thừa phát khởi.

“Liên diệt hóa thành” trở xuống là thí dụ thứ năm nêu lên sắp đến chỗ châu báu tức hợp với câu “liền nhóm các Bồ-tát mà vì nói Đại thừa” tức kinh Pháp Hoa. Trong đây nói “chỗ châu báu ở gần” tức là

hiển bày nghĩa chơn thật tương ứng với trên nói “chỉ có một Phật thừa được diệt độ mà thôi”, cũng xa hợp với trong phẩm Phương tiện nói “chỉ nói nghĩa đạo vô thượng” “Hưởng đến thành lớn thuộc sự biến hóa của ta” tức hợp với câu ở phần dùng pháp để thuyết ở trên: “ở thế gian không có hai thừa” nhằm nêu ra nghĩa khai mở quyền phương tiện; cũng xa tương ứng với câu trong phẩm Phương tiện nói “chính là xả bỏ phương tiện”

“Các Tỳ-kheo! đức Như Lai cũng lại như thế” trở xuống là nêu lên đoạn hợp dụ thứ hai. Trong đây hợp đủ năm thí dụ nhưng ẩn mất mà lại khuyết lược. Trong thí dụ thứ nhất ở trên có bốn nghĩa. Nay trong đây chính hợp một nghĩa “đạo sư” nhưng kiêm hợp ba nghĩa còn lại. “Đạo sư” tức là hợp nghĩa “Đạo sư” ở trên. “Sanh phiền não” tức hợp chỗ sợ hãi ở trên. “Hiểm nạn dài xa” tức hợp với năm trăm do tuần và nhà lửa ở trên. Lại nói “nên bỏ nên vượt qua” tức hợp với nghĩa “nếu chúng đông” và “ba mươi người con”

“Nếu như chúng sanh chỉ nghe một Phật thừa” trở xuống tức hợp thí dụ thứ hai “mệt mỗi thối lui” “Phật biết tâm chúng đó khiếp nhược hạ liệt” trở xuống tức hợp thí dụ thứ ba “thiết lập hóa thành”. Trước hết hợp phần thứ hai “không có căn cơ Đại thừa mà chỉ có căn cơ Tiểu thừa” kế đến hợp phần thứ nhất” dự định thích nghi, kế đó hợp phần thứ ba “thiết lập hóa thành”. Trong đây chỉ hợp câu “nếu đi vào thành ấy”. “Nếu chúng sanh trụ nơi hai bậc tức” hợp với sự thọ nhận hành trì thứ tư tương ứng với hai câu “sanh khởi tưởng đã diệt độ...”. Và hai câu này được phân làm hai bậc. Ở bên dưới hợp với thí dụ thứ tư “biết nghĩ ngơi”. Chính do đạt được Tận trí và Vô sanh trí cho nên nói căn cơ Đại thừa phát khởi”. “Đức Như Lai bấy giờ” trở xuống tức hợp với thí dụ thứ năm “diệt hóa thành đi đến chỗ châu báu” cũng hợp với câu khai mở quyền trí mà hiển bày thật trí và trước hết hợp sự hiển bày thật trí “chỉ là sức phương tiện của Như lai” trở xuống tức hợp nêu lên việc khai mở quyền trí. “Như vị đạo sư kia” trở xuống là một đoạn lớn nêu lên thí dụ bên ngoài để kết hợp. Tuy nhiên chỉ kết hợp bốn thí dụ mà không nêu lên thí dụ thứ hai. Nay nói “như vị đạo sư kia” tức hợp thí dụ thứ nhất. “Vì cho mọi người ngơi nghỉ” trở xuống tức hợp thí dụ thứ ba. “Đã biết ngơi nghỉ xong” tức hợp thí dụ thứ tư. “Mà bảo đó rằng” trở xuống tức hợp thí dụ thứ năm.

“Mà nói kệ rằng” trở xuống gồm có bốn mươi chín hàng rưỡi kệ là phần trùng tụng thứ hai. Ở phần Văn Trường hàng trên gồm có hai phần: 1. Nguyên nhân kết duyên; 2. Kết duyên. Nay bốn mươi chín

hàng rưỡi kệ cũng được phân làm hai: 1. Hai mươi hàng rưỡi kệ tụng nguyên nhân ở trên; 2. “Các vị Sa-di đó, biết Phật chưa xuất thiên” trở xuống có hai mươi bảy hàng tụng sư kết duyên. Nhưng trong nguyên do nhân kết duyên ở trên vốn có hai nguyên do tức gần và xa.

Nay hai mươi hai hàng rưỡi kệ này cũng được phân làm hai: 1. Có mười hai hàng tụng nguyên do xa; 2. Từ: “Vô lượng tuệ Thế Tôn” trở xuống có mười hàng rưỡi kệ tụng nguyên do gần. Trong việc nêu lên nguyên do xa vốn có bốn đoạn: 1. Nêu ra việc hành đạo đạt được Phật quả; 2. Nêu lên các vương tử thỉnh Phật thuyết pháp; 3. Nêu ra tướng cảm động sau khi đạt được Phật quả; 4. Nêu ra các Phạm thiên thỉnh Phật thuyết pháp. Nay mười hai hàng kệ cũng tụng đủ. Trong đó, bốn hàng đầu tụng đoạn thứ nhất. Tiếp đến từ: “mười sáu vị vương tử” trở xuống có hai hàng rưỡi tụng đoạn thứ hai. “Vì giác ngộ quần sanh” xuống nửa hàng tụng đoạn thứ ba. “Các thế giới phương Đông” trở xuống có năm hàng tụng đoạn thứ tư. Nhưng trong đoạn thứ nhất ở trên vốn có ba phần. Nay trong bốn hàng kệ thì hàng đầu tụng phần thứ nhất: “Phật đạo khó đặng”. “Các trời, thần, Long vương” trở xuống có hai hàng tụng phần thứ hai: “chư thiên cúng dường”. “Quá mười tiểu kiếp rồi” trở xuống một hàng tức tụng phần thứ ba “đạt được Phật đạo”. “Mười sáu người con Phật” trở xuống có hai hàng rưỡi kệ tụng đoạn thứ hai “Vương tử thỉnh Phật thuyết pháp”. Đoạn này ở trên vốn có ba phần. Một hàng đầu tụng phần thứ nhất “vì thỉnh cầu cho nên đến chỗ Phật” kế tiếp một câu “đầu mặt lay chơn Phật” tức tụng phần thứ hai “rất tôn kính”.

Tiếp đó “thỉnh Phật chuyển pháp luân” trở xuống gồm có một hàng một câu tụng phần thứ ba “thỉnh cầu”. “Vì giác ngộ quần sanh” có nửa hàng tụng đoạn thứ ba ở trên: “tướng cảm động”. Đoạn này ở trên vốn có ba phần. Nay nửa hàng này chỉ tụng phần thứ nhất “đại địa chấn động” mà không tụng phần thứ hai “phóng quang” và phần thứ ba “hai nơi đạt đến”. “Các thế giới Đông phương” trở xuống có năm hàng tụng đoạn thứ tư “mười phương các Phạm thiên thỉnh Phật chuyển pháp luân”. Đoạn này ở trên vốn có ba đoạn. 1. Phương Đông và phương Đông Nam các Phạm thiên thỉnh Phật chuyển pháp Tiểu thừa; 2. Phương Nam cho đến phương dưới gồm bảy phương các Phạm thiên đến thỉnh Phật chuyển pháp Đại thừa; 3. Một phương trên các Phạm thiên đến thỉnh Phật chuyển pháp Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Nay trong năm hàng kệ thông tụng cả ba đoạn trên. Tuy nhiên do câu văn lẫn lộn không thể phân định rõ.

“Thế tôn tuệ vô lượng” trở xuống có mười hàng rưỡi kệ tụng phần thứ hai ở trên “nguyên nhân gần”. Phần này cũng có bốn đoạn: 1. Nhận lời thỉnh cầu mà nói pháp hai thừa; 2. Các vương tử thỉnh Phật nói pháp Đại thừa; 3. Vì chúng nói kinh Pháp Hoa; 4. Nhập định. Nay trong mười hàng rưỡi kệ thì năm hàng đầu tụng đoạn thứ nhất; kế đến có hai hàng tụng đoạn thứ hai, kế tiếp có hai hàng rưỡi kệ tụng đoạn thứ ba, tiếp đó có một hàng tụng đoạn thứ tư. Nhưng bốn đoạn ở trên, mỗi đoạn có ba phần. Nay năm hàng này tụng đoạn thứ nhất. Và trong đoạn thứ nhất ở trên lại có ba phần. Nửa hàng kệ đầu tụng phần thứ nhất “thọ nhận lời thỉnh. “vì nói các loại pháp” trở xuống một hàng rưỡi kệ tụng phần thứ hai “tướng chuyển pháp luân”. Tuyên nói pháp đó rồi” trở xuống có ba hàng tụng phần thứ ba “cảm nhận lãnh ngộ” “bấy giờ mười sáu vị” trở xuống có hai hàng tụng đoạn thứ hai “vương tử thỉnh cầu”. Trong đoạn này ở trên có ba phần. Nay nửa hàng kệ đầu tụng phần thứ nhất “vì cầu thỉnh nên xuất gia”. Tiếp một hàng rưỡi kệ sau tụng phần thứ hai “thỉnh cầu” và lược không tụng phần thứ ba “quyến thuộc xuất gia” “Phật biết lòng đồng tử” trở xuống có hai hàng rưỡi kệ tụng đoạn thứ ba “thọ nhận lời thỉnh cầu mà nói kinh Pháp Hoa”. Trong đoạn này tự có ba phần nhưng nay chỉ tụng phần thứ nhất. Mà có hai hàng rưỡi kệ vì ở trên đã có bốn hàng nói rõ Như Lai trước nói lên ba thừa giáo. Ở trên nói “Đức Đại Thông Trí Thắng sau khi nhận lời thỉnh trải qua hai vạn năm mới nói kinh Pháp Hoa” tức là trước chưa nói Pháp Hoa mà nói pháp ba thừa. “Nói kinh Pháp Hoa này kệ nhiều như hằng sa” trở xuống nửa hàng tụng phần thứ nhất “nhận lời thỉnh mà nói kinh Pháp Hoa” “Phật kia nói kinh rồi” trở xuống là một hàng tụng đoạn thứ tư “nhập định”. Đoạn này ở trên vốn có ba phần. Nay nói “Phật nói kinh rồi, vào tính thất” gồm bảy chữ tụng phần thứ nhất. “Ngôi nhập trong thiền định nhất tâm” gồm bảy chữ tụng phần thứ hai. “Tám vạn bốn nghìn kiếp” năm chữ tụng phần thứ ba.

“Các vị Sa-di đó” trở xuống có hai mươi bảy hàng tụng phần thứ hai “kết duyên”. Trong phần Văn Trường hàng ở trên vốn có hai phần

1. Dùng pháp để thuyết; 2. Dùng thí dụ để thuyết. Nay trong hai mươi bảy hàng kệ này, ban đầu có tám hàng tụng phần dùng pháp để thuyết. Từ “thí như đường hiểm dữ” trở xuống gồm có mười chín hàng tụng phần dùng thí dụ để thuyết. Trong văn dùng pháp để thuyết ở trên vốn có ba đoạn 1. Nêu lên việc kết duyên xưa kia; 2. Nêu ra đại ý giáo hóa của đức Phật Thích ca tổng quát trước sau như một; 3. Nêu ra sự gặp gỡ ngày nay. Nay trong tám hàng thì ba hàng đầu tụng đoạn thứ nhất “sự



kết duyên xưa kia”. Kế đến có bốn hàng tụng đoạn thứ hai “đại ý tổng quát”. Và một hàng kế tiếp tụng đoạn thứ ba “ngày nay gặp gỡ”. Trong văn nói kết duyên xưa ở trên vốn có bốn phần. Nay trong ba hàng trước thì nửa hàng đầu tụng phần thứ nhất vương tử được ý thuật lại kinh. Kế đến “vì vô lượng chúng nói” trở xuống có một hàng rưỡi kệ tụng phần thứ hai “kết duyên”. “Kế đến mỗi vị Sa-di thả” trở xuống có một hàng tụng phần thứ ba “sự cảm ngộ không giống nhau”. Và không tụng phần thứ tư” Đức Đại Thông trí Thắng khen ngợi sự nói pháp của các vương tử”. “Sau khi Phật diệt độ” trở xuống có bốn hàng tụng đoạn thứ hai “tổng quát đại ý”. Trong đoạn này vốn có bốn phần, ban đầu có một hàng tụng phần thứ nhất “thường gặp gỡ”. Kế đến “mười sáu Sa-di đó” gồm một hàng tụng phần thứ hai “mười sáu vị vương tử đã thành Phật”. Kế tiếp “người nghe pháp thuở đó” gồm một hàng tụng phần thứ tư “đời vị lai lại được gặp gỡ”. “Ta ở số mười sáu” gồm một hàng tụng phần thứ ba “thông suốt xưa và nay”. “Do bản nhân duyên đó” gồm một hàng tụng đoạn thứ ba “ngày nay gặp gỡ”. Xét trong đoạn này vốn có bốn phần 1. Nêu lên sự phát khởi căn cơ Đại thừa 2. Nêu ra sự giảng nói Pháp Hoa 3. Nghĩa nêu ra dùng Đại thừa dự định thích nghi mà không được 4. Nêu ra việc dùng Tiểu thừa mà hóa độ được chúng sanh. Nay chỉ tụng phần thứ hai “bèn nhóm các Bồ-tát” để nói rõ sự thuyết giảng Pháp Hoa.

“Thí như đường hiểm dữ” trở xuống có mười chín hàng tụng phần dùng thí dụ để thuyết. Trong phần này vốn có ba đoạn và nay trong kệ cũng có ba đoạn. Ban đầu có mười một hàng rưỡi kệ tụng đoạn khai mở thí dụ. Kế đến “Ta cũng lại như vậy” trở xuống có sáu hàng rưỡi kệ tụng đoạn hợp dụ. Kế nữa “Các Phật là đạo sư” trở xuống có một hàng tụng đoạn thí dụ bên ngoài để hợp kết. Trong đoạn khai mở thí dụ ở trên vốn có năm phần. Nay mười một hàng rưỡi kệ cũng được phân làm năm. Ba hàng đầu tụng phần thứ nhất. “Mọi người đều mỗi một” xuống một hàng tụng phần thứ hai. “Đạo sư nghĩ thế này” trở xuống năm hàng tụng phần thứ ba. “Đạo sư biết nghĩ xong” chỉ có một câu tụng phần thứ tư. “Nhóm chúng mà nói rằng” trở xuống có hai hàng một câu tụng phần thứ năm. Trong phần thí dụ thứ nhất vốn có bốn nghĩa. Nay tuy tụng đầy đủ cả bốn nghĩa nhưng không có thứ tự. Hàng thứ nhất tụng nghĩa thứ hai “nơi chốn sợ hãi”. Nửa hàng kế tiếp tụng nghĩa thứ ba “nếu có nhiều chúng” nửa hàng kế tiếp tụng nghĩa thứ nhất “năm trăm do tuần”. Một hàng kế nữa tụng nghĩa thứ tư “đạo sư”. “Mọi người đều mỗi một” gồm một hàng tụng thí dụ “lười mỗi thối lui”. Trong thí dụ

vốn có hai phần: nêu lên sự thối lui và giải thích ý thối lui. Nay trong kệ tụng cũng có hai phần: câu đầu tụng phần thứ nhất và ba câu kệ tụng phần thứ hai. “Đạo sư nghĩ thế này” trở xuống có năm hàng tụng thí dụ “thiết lập hóa thành”. Nay trong thí dụ này có bốn đoạn nhưng không tụng đoạn thứ nhất. Một hàng đầu tụng đoạn thứ hai, ba hàng kệ tụng đoạn thứ ba và một hàng kệ tụng đoạn thứ tư. Trong đoạn thứ ba trên vốn có hai phần: 1. Suy nghĩ tạo ra “hóa thành”; 2. Thiết lập nên “hóa thành”. Nay trong ba hàng thì có hai hàng tụng phần thứ nhất và một hàng kệ tụng phần thứ hai. “Đạo sư biết nghĩ xong” gồm một câu tụng thí dụ thứ tư. “Nhóm chúng mà bảo rằng” trở xuống có hai hàng một câu tụng thí dụ thứ năm. “Ta cũng lại như vậy” trở xuống có sáu hàng rưỡi kệ tụng phần hợp dụ. Nửa hàng đầu tụng hợp dụ thứ nhất, một hàng kệ tụng hợp dụ thứ hai, một hàng kệ tụng hợp dụ thứ ba, nửa hàng kệ tụng hợp dụ thứ tư, ba hàng rưỡi kệ kệ tiếp đó tụng hợp dụ thứ năm. “Các Phật là đạo sư” trở xuống có một hàng là phần thứ ba tụng hợp kết. Trong đây nêu ra sự hợp bên trong để tổng kết. Một câu đầu tức hợp nghĩa thứ nhất “đạo sư”. Một câu kệ tức hợp nghĩa “hóa thành”. Một câu kệ tiếp tức hợp nghĩa “dừng nghĩ”. Một câu kệ tiếp đó tức hợp nghĩa “đến chỗ châu báu”. Còn nghĩa “mỗi một thối lui” nay không hợp tụng.

-----